

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11/3/2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Văn Te

2. Ông Trương Văn Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 346/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Ấp 2, xã LA, huyện CG, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Anh **Đặng Minh T**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Ấp 3, xã PN, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, chị H có mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Chị và anh T chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 08/8/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Phong Mỹ (nay là xã Phong Năm), huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Hôn nhân do cả hai tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống ở Long An - quê chị H. Do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường hay cự cãi. Từ ngày 20/10/2021, anh T về nhà cha mẹ ruột ở Bến Tre sống, không ai quan tâm đến ai. Chị H nhận thấy không thể tiếp tục sống cùng anh T được nữa nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh T có 01 người con chung là Đặng Minh Trọng, sinh ngày 15/11/2013, hiện đang sống với chị H. Chị H yêu cầu được T tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo, tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh T đều vắng mặt không lý do, không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến về tố tụng và nội dung:

** Về tố tụng:*

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:* Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H. Chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với anh Đặng Minh T.

- Về con chung: Chị H được tiếp tục T tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đặng Minh Trọng, sinh ngày 15/11/2013 cho đến khi thành niên. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn với bị đơn là anh Đặng Minh T - cư trú tại ấp 3 (ấp Phong Phú), xã Phong Năm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn là anh Đặng Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Đặng Minh T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên quan hệ hôn nhân anh chị là hợp pháp, được pháp luật tôn trọng, bảo vệ. Trong thời gian chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, hay cự cãi và đã không sống chung với nhau từ tháng 10/2021 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị H xin ly hôn với anh T.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo cho anh T tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mục đích là để hòa giải cho chị H và anh T đoàn tụ nhưng anh T đều vắng mặt và không có ý kiến gì, coi như anh T bỏ mặt, không có thiện chí đoàn tụ với chị H. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị H thì được biết: chị H và anh T hiện không sống chung với nhau, không còn tới lui, liên lạc gì nhau, gia đình anh T cũng muốn vợ chồng anh T hàn gắn lại nên đã khuyên chị H nhưng chị H vẫn cương quyết ly hôn với anh T. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị H, anh T đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh T sống với nhau có 01 người con chung là Đặng Minh Trọng, sinh ngày 15/11/2013, hiện đang sống chung với chị H. Để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Trọng cho chị H T tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Trọng - được sống với chị H sau khi cha mẹ cháu ly hôn.

Theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn “Cha, mẹ không T tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Chị H T tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của chị H nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H. Chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với anh Đặng Minh T.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Minh Trọng, sinh ngày 15/11/2013 cho chị Nguyễn Thị Thanh H T tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người T tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0002201 ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Phong Năm;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Ngọc Ánh

